

BÁO CÁO THU CHI QUẢN CƠM 2 000đ SÀI GÒN
THÁNG 01/2021
(Kèm theo bảng chi tiết chi chợ hàng ngày)

Ngày tháng	Chi tiết	Thu	Chi	Tồn
Tồn tháng 12/2020 mang sang				3 463 899 080
01/01/2021	MTQ có số GD 741597.010121.152909 ủng hộ KTX	200 000		3 464 099 080
	Chi phí		2 200	3 464 096 880
02/01/2021	Chị Nguyễn Thị Phi Hường (P14-Q10) CMTX T01	200 000		3 464 296 880
	Anh Ngụy Như Nam (Q10) ủng hộ KTX	500 000		3 464 796 880
	Tiền bán phiếu cơm (164ph).	328 000		3 465 124 880
	Chi phí		3 850 000	3 461 274 880
03/01/2021	Chị Kimnhut CMTX T10,11,12/2020 và Năm 2021	3 000 000		3 464 274 880
05/01/2021	Chú Lợi (Q10) ủng hộ KTX	200 000		3 464 474 880
	Tiền bán phiếu cơm (133ph).	266 000		3 464 740 880
	Chi phí		653 000	3 464 087 880
07/01/2021	Tiền bán phiếu cơm (197ph).	394 000		3 464 481 880
	Chi phí		230 000	3 464 251 880
08/01/2021	Chi phí		2 000 000	3 462 251 880
09/01/2021	Tiền bán phiếu cơm (197ph).	394 000		3 462 645 880
				3 462 645 880
10/01/2021	Chú Lộc ủng hộ KTX	1 000 000		3 463 645 880
	Chị KLHuong CMTX T01	200 000		3 463 845 880
	Chi phí		202 000	3 463 643 880
11/01/2021	Chi phí		500 000	3 463 143 880
12/01/2021	Gia đình Phật Tử Diệu Giác ủng hộ KTX	300 000		3 463 443 880
	Tiền bán phiếu cơm(151ph).	302 000		3 463 745 880
	Chi phí		180 000	3 463 565 880
14/01/2021	Anh Nguyễn Phương Tùng (Bình Chánh) ủng hộ KTX	500 000		3 464 065 880
	Tiền bán phiếu cơm (171ph).	342 000		3 464 407 880
	Chi phí		1 395 000	3 463 012 880
16/01/2021	Tiền bán phiếu cơm (144ph).	288 000		3 463 300 880
	Chi phí		1 910 000	3 461 390 880
17/01/2021	Chi phí		397 000	3 460 993 880
18/01/2021	Chi phí		500 000	3 460 493 880
19/01/2021	Anh Đỗ Quốc Bình ủng hộ KTX	200 000		3 460 693 880
	Tiền bán phiếu cơm (210ph).	410 000		3 461 103 880
	Chi phí		300 000	3 460 803 880
20/01/2021	Bạn Kim Chi ủng hộ KTX	200 000		3 461 003 880
	Chi phí		263 762	3 460 740 118
21/01/2021	Tiền bán phiếu cơm (173ph).	346 000		3 461 086 118
	Chi phí		619 600	3 460 466 518
22/01/2021	Chi phí		1 180 000	3 459 286 518
23/01/2021	Tiền bán phiếu cơm (170ph).	340 000		3 459 626 518
	Chi phí		1 020 000	3 458 606 518
25/01/2021	Lãi T01 ATM	5 220		3 458 611 738
26/01/2021	Chị Doit CMTX T02	1 000 000		3 459 611 738
	Cô Dung (Q5) ủng hộ KTX	1 000 000		3 460 611 738
	Tiền bán phiếu cơm (196ph).	392 000		3 461 003 738
27/01/2021	Lãi STK 6T	4 152 000		3 465 155 738
	Anh Thắng (Q10) ủng hộ KTX	1 000 000		3 466 155 738
	Chị Lương Trí Nhơn (P13-Q5) ủng hộ KTX	500 000		3 466 655 738
	Chi phí		899 645	3 465 756 093
28/01/2021	Tiền bán phiếu cơm (279ph).	558 000		3 466 314 093
	Chi phí		3 630 000	3 462 684 093
29/01/2021	MTQ có số GD 417158.290121.194634 ủng hộ KTX	200 000		3 462 884 093
30/01/2021	Chị Cúc (Q10) ủng hộ KTX	1 000 000		3 463 884 093
	Tiền bán phiếu cơm (271ph)	542 000		3 464 426 093
	Tiền thu lại tô nhựa (271 tô)	542 000		3 464 968 093

	Chi phí		425 000	3 464 543 093
31/01/2021	Anh Danh (Q11) ủng hộ KTX	1 000 000		3 465 543 093
	Anh Đạt (Q10) ủng hộ KTX	1 000 000		3 466 543 093
	Chi phí		17 517 600	3 449 025 493
Tổng		22 801 220	37 674 807	3 449 025 493

Chi tiết	Thu	Chi	Tồn
* Tồn đầu kì			3 463 899 080
Tiền lãi	4 157 220		
CMTX	4 400 000		
CMKTX	8 800 000		
Tiền bán phiếu (2 451phiếu)	4 902 000		
Tiền thu lại tô nhựa (217 tô)	542 000		
Tổng chi phí		37 674 807	
* Tồn quỹ tháng 01/2021	22 801 220	37 674 807	3 449 025 493

TỔNG HỢP CHI PHÍ THEO NGÀY
THÁNG 01/2021

Ngày	DIỄN GIẢI	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
01/01/21	Phí QLTK VCB	tháng	1		2 200
Tổng					2 200
02/01/21	Chả cá basa hấp	kg	20	25 000	500 000
	Chuối	kg			180 000
	Tỏi	kg	5	30 000	150 000
	Gas 45kg	bình	3		3 020 000
Tổng					3 850 000
05/01/21	Phiếu giữ xe	cuốn	10	4 000	40 000
	Gia vị nấu bò kho	gói	10	5 300	53 000
	Nước rửa chén	can/5l	2	55 000	110 000
	Cà rốt	kg	5	16 000	80 000
	Hành tây	kg	3	15 000	45 000
	Rau nộm	kg	0.5	30 000	15 000
	Dừa tươi	trái	10	10 000	100 000
	Sả cây	kg	2	15 000	30 000
	Chuối	kg			180 000
Tổng					653 000
07/01/21	Cà chua	kg	10	5 000	50 000
	Chuối	kg			180 000
Tổng					230 000
08/01/21	Nạc heo FRIMESA	kg	25	80 000	2 000 000
Tổng					2 000 000
09/01/21	Chuối	kg			180 000
	Phí DV SMS + VCBDigibank T12	tháng	1	22 000	22 000
Tổng					202 000
11/01/21	Chả cá basa hấp	kg	20	25 000	500 000
Tổng					500 000
12/01/21	Chuối	kg			180 000
Tổng					180 000
14/01/21	Gà góc 4	kg	45	27 000	1 215 000
	Chuối	kg			180 000
Tổng					1 395 000
16/01/21	Chuối	kg			180 000
	Thịt đùi	kg	10	100 000	1 000 000
	Cải chua	kg	8		230 000
	Chi lương kỳ 1 T01 Chị Nghĩa	B Thời Gian			500 000
Tổng					1 910 000
17/01/21	Phí Điện thoại bàn T12	tháng	1	47 000	47 000
	Phí Internet quán cơm T12	tháng	1	350 000	350 000
Tổng					397 000

18/01/21	Chả cá basa hấp	kg	20	25 000	500 000
Tổng					500 000
19/01/21	Dừa tươi	trái	8	15 000	120 000
	Chuối	kg			180 000
Tổng					300 000
20/01/21	Tiền điện T01	tháng	1	263 762	263 762
Tổng					263 762
21/01/21	Phí In sao kê VCB Quý 4/2020	tờ	18	2 200	39 600
	Phí VS T01 + Tết	tháng	1	400 000	400 000
	Chuối	kg			180 000
Tổng					619 600
22/01/21	Nạc vai heo	kg	15.13		1 180 000
Tổng					1 180 000
23/01/21	Đậu hũ	miếng	200	1 300	260 000
	Thịt đùi	kg	5	100 000	500 000
	Chuối	kg			180 000
	Khăn giấy	cây	1	80 000	80 000
Tổng					1 020 000
27/01/21	Tiền nước T01	tháng	1	899 645	899 645
Tổng					899 645
28/01/21	Nước rửa chén	can/5l	2	109 000	218 000
	Gas 45kg	bình	3		3 117 000
	Trứng gà	trứng	100	1 900	190 000
	Nước rửa chén	can/5l	1	35 000	35 000
	Cà chua	kg	10	7 000	70 000
Tổng					3 630 000
30/01/21	Tô nhựa ko nắp	cái	300		375 000
	Muỗng nhựa	cái	200		50 000
Tổng					425 000
31/01/21	Chi lương kỳ 2 T01 Chị Nghĩa	B Thời Gian			1 000 000
	Chi lương Tháng 01 Lê Tuấn Tú	Thời Gian			9 000 000
	Chi lương Tháng 13/2020 C Nghĩa	Hơn 7 năm			2 250 000
	Chi lương Tháng 13/2020 Lê Tuấn Tú	7 tháng			5 250 000
	Phí chuyển tiền T01 cùng HT	lần	8	2 200	17 600
Tổng					17 517 600
TỔNG CỘNG					37 674 807